TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2025/DS-ST
Ngày 19 tháng 03 năm 2025.
V/v: Đòi tài sản (Đòi nhà, đất).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Thế V;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh T và bà Nguyễn Thị Anh V.
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh D – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2025, Toà án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc "Kiện đòi tài sản – Đòi nhà, đất" giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 12, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

(Có mặt).

Bị đơn: Ông Đinh Duy Đ, sinh năm 1981 và Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Ngõ 192 đường T, TDP Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Nguyên đơn trình bày:

Tôi là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của căn nhà và thửa đất tại địa chỉ ngõ 192 đường T, TDP Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 471357 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 08/7/2020 số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 19106 tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 46, diện tích sử dụng 88 m^2 , hiện trạng trên đất

đang có 01 căn nhà 01 tầng. Nguồn gốc mảnh đất và căn nhà trên là do tôi mua lại từ ông Phan Ngọc A, sinh năm 1961, CCCD : 001061004285, và vợ là bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1965, cùng có HKTT tại : TDP Trung 6, phường T, B, Hà Nội, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 1578/2020 ký ngày 17/6/2020, tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, nội dung: chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu, sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất được cấp giấy chứng nhận số: CV471283; Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 18630 do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 03/6/2020 của ông Ánh và bà Huệ sang cho tôi. Sau đó tôi nộp các hồ sơ giấy tờ vào Văn phòng đăng ký đất đai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS-BTL 19106 đã nêu ở trên. Thời điểm sau khi giao dịch tài sản nói trên, vì lý do dịch bệnh Covid - 19, Thành phố có chủ trương giãn cách xã hội, do đó tôi không có điều kiện đến trông nom tài sản nhà và đất được. Khoảng Tháng 7 năm 2022, khi dịch bệnh covid được khống chế, gia đình tôi đến dọn dẹp nhà ở. Tuy nhiên, khi đến nơi thì tôi thấy có 01 gia đình đang sinh sống ở đó, qua tìm hiểu tôi được biết những người đang ở bên trong căn nhà và thửa đất do tôi sở hữu mà không được sự đồng ý của tôi là hộ gia đình ông: Đinh Duy Đ, sinh năm 1981, vợ là chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985, đều là người ở phường T và là cháu của bà Nguyễn Thị H1, bà H gọi bà Huệ là dì ruột. Sau khi biết được ông Đ và bà H xâm phạm nhà và đất hợp pháp của gia đình, tôi và chị gái tôi đã đến nói chuyện với anh chị Đ, H về việc tôi là người đã mua và sở hữu thửa đất, căn nhà nói trên, tuy nhiên anh Đ, chị H liên tục gây hấn nói là căn nhà trên là của anh Đ, nhưng lại không có bất cứ căn cứ nào theo quy định của pháp luật chứng minh sở hữu tài sản. Tôi đã yêu cầu anh Đ, chị H dọn đi nơi khác trả lại quyền sở hữu hợp pháp tài sản và chỗ ở cho tôi, tuy nhiên từ đó đến nay nhiều lần hộ gia đình anh Đ nhất định không chịu dời đi, thậm chí còn có rất nhiều lời lẽ đe dọa, xúc phạm, thách thức đối với tôi, nhất định không chịu dời đi, và cản trở không để cho tôi sử dụng nhà và đất của mình. Gia đình tôi đã thanh toán đầy đủ tiền cho ông Ánh bà Huệ và làm đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đã đứng tên gia đình tôi. Gia đình tôi không còn vướng mắc gì với ông Ánh bà Huệ và lại càng không liên quan gì đến ông Đ bà H.

Do vậy đề nghị Toà án yêu cầu ông Đ và bà H trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 46, diện tích sử dụng 88m^2 tại ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn trình bày:***

Theo Bản án số 194/2016/DSPT ngày 31/10/2016 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội, Cơ quan Thi hành án tiến hành cưỡng chế thu toàn bộ tài sản của gia đình tôi mà không thống kê bàn giao lại cho chúng tôi bất cứ thứ gì, Cơ quan thi hành án làm như vậy là không đúng. Việc đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huệ là để lấy làm tin, không phải để thế chấp tài sản cho bà Huệ. Bản án của thành phố chỉ quyết định chúng tôi phải trả nợ tiền cho bà Huệ chứ không phải dùng mảnh đất này để trả. Từ trước đến nay chúng tôi vẫn sinh

sống trên đất và chưa từng kí bàn giao lại nhà đất cho bất kì ai. Việc bà Phạm Thị M khởi kiện là việc mua bán giữa bà M và bà Huệ, không liên quan gì đến chúng tôi.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn là anh Đ, chị H trình bày: Vợ chồng tôi và chị M không quen biết nhau, không liên quan gì đến nhau. Việc bà M và bà Huệ mua bán nhà đất với nhau không liên quan gì đến vợ chồng tôi. Bà Nguyễn Thị H1 là dì ruột của tôi (H). Trước đấy bà Huệ có cho vợ chồng tôi vay tiền làm ăn. Vợ chồng có đưa cho bà Huệ sổ đỏ để làm tin chứ không phải thế chấp nhà đất. Nhà, đất hiện nay vợ chồng tôi ở không phải là nhà đất bà M kiện. Vì theo đơn kiện thì bà M kiện đối thửa đất số 38, tờ bản đồ số 46, còn thửa đất bị đơn sử dụng là thửa đất số 115, tờ bản đồ số 15. Bản án năm 2016 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử về việc bà Huệ kiện đòi tiền tôi chứ không liên quan gì đến nhà đất hiện nay vợ chồng tôi đang ở. Vì vậy, vợ chồng tôi đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B nhận xét và nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau :

- Về tố tụng : Vụ án đòi nhà đất tại ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội ; bị đơn đang cư trú tại địa chỉ nơi có thửa đất, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Toà án chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên Toà Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự trong vụ án đều chấp hành quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Toà án có vi phạm về thời hạn xử lý đơn khởi kiện và thời hạn giải quyết vụ án.

- Về Nội dung : Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M đối với bị đơn là anh Đinh Duy Đ, chị Hoàng Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc anh Đ, chị H phải trả lại nhà, đất đang chiếm giữ cho bà Phạm Thị M.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án này như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là vụ án đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với tại tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Đây là dạng tranh chấp về đất đai theo quy định Điều 137 của Luật đất đai năm 2024. Bị đơn là anh Đinh Duy Đ và chị Hoàng Thị H hiện đang cư trú tại địa chỉ ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 236 của Luật đất đai năm 2024, Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng của đương sự: Nguyên đơn Phạm Thị M khởi kiện đích danh anh Đinh Duy Đ và chị Hoàng Thị H; anh Đ và chị H đang cư trú tại nhà, đất đang có tranh chấp, nên anh Đinh Duy Đ và chị Hoàng Thị H là bị đơn trong vụ án, theo quy định tại Điều 68, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đinh Duy Đ, chị Hoàng Thị H cùng các con đang cư trú tại nhà, đất đang có tranh chấp. Nhưng vì các con anh Đ, chị H chưa trưởng thành nên anh Đ chị H đại diện cho các con theo quy định của pháp luật dân sự.

Theo văn bản cam kết về tài sản của ông Nguyễn Mạnh Hà, sinh năm 1979 là chồng bà Phạm Thị M được Văn phòng Công chứng Mỹ Đình chứng thực ngày 20/6/2020 thì nhà đất đang tranh chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 471357 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 08/7/2020 số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 19106 tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 46 tại địa chỉ: Ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội là tài sản riêng của bà Phạm Thị M. Vì vậy, Toà án không đưa ông Nguyễn Mạnh Hà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2]. Về nội dung và xét yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ của các đương sự cung cấp; căn cứ vào hồ sơ Thi hành án do Chi cục Thi hành án dân sự quận B cung cấp cho Toà án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định và kết luận về nội dung tranh chấp như sau:

Bà Nguyễn Thị H1 là dì ruột chị Hoàng Thị H. Cuối năm 2014, vợ chồng chị H, anh Đinh Duy Đ có khó khăn về kinh tế nên đến hỏi vay bà Nguyễn Thị H1 tiền và bà Huệ đồng ý cho vay. Anh Đ viết Giấy vay tiền ngày 10/12/2014 có nội dung: "Anh Đ có mượn của bà Huệ số tiền là 800.000.000đ thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất hàng tháng 100.000.000 đồng là 1.000.000 đồng và thế chấp cho

bà Huệ một quyền số đỏ diện tích 88 m^2", theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01560/QSDĐ/3661/QĐUBH do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày ngày 29/11/2004 mang tên Đinh Duy Đ, Hoàng Thị H. Tổng số tiền anh Đ, chị H nợ bà Huệ là 900.000.000 đồng.

Do anh Đ, chị H không trả tiền, nên bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện đến Toà án nhân dân quận B.

Tại bản án Dân sự phúc thẩm số: 194/2016/DSPT ngày 31/10/2016 đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Đòi tiền" giữa bà Nguyễn Thị H1 đối với anh Đinh Duy Đ và chị Hoàng Thị H.

- Xác nhận số nợ anh Đinh Duy Đ và chị Hoàng Thị H nợ của bà Nguyễn Thị H1 số tiền gốc là: 900.000.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 56.000.000 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 54.000.000 đồng. Tổng số tiền 1.010.000.000đ (Một tỷ không trăm mười triệu đồng).

Sau khi bản án trên có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu Thi hành bản án nêu trên. Quá trình thi hành bản án số: 194/2016/DSPT ngày 31/10/2016 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, anh Đinh Duy Đ và chị Hoàng Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, cơ quan Thi hành án dân sự quận B đã tiến hành kê biên, phát mại tài sản của anh Đ, chị H là 88 m^2 đất tại ngõ 192 đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Ngày 01/11/2018 Chi cục Thi hành án dân sự quận B phối hợp cùng chính quyền phường T cùng các cơ quan có thẩm quyền tiến hành bàn giao tài sản cưỡng chế cho bà Nguyễn Thị H1. Bà Huệ đã nhận bàn giao 88 m^2 đất tại ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội cùng tài sản gắn liền với đất.

Sau khi tiếp quản 88 m^2 đất nêu trên cùng tài sản gắn liền với đất, bà Nguyễn Thị H1 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với 88 m^2 đất này. Ngày 03/6/2020 Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 471283; Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 18630 mang tên bà Nguyễn Thị H1, ông Phan Ngọc A.

Do không có nhu cầu ở, thông qua môi giới, bà Huệ, ông Ánh chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà Phạm Thị M. Ngày 17/6/2020 bà Phạm Thị M và vợ chồng bà Nguyễn Thị H1, ông Phan Ngọc A thực hiện việc mua bán chuyển nhượng tài sản đất nêu trên tại Văn phòng Công chứng Mỹ Đình, thành phố Hà Nội. Theo nội dung phần "Ghi chú" của văn bản chuyển nhượng của Văn phòng Công chứng Mỹ Đình thì thửa đất bà Phạm Thị M nhận chuyển nhượng của bà Huệ, ông Ánh chính là thửa đất số 114, tờ bản đồ 15 (Bản đồ năm 1994), theo Giấy chứng nhận bị mất số CS-BTL 13589 (Số sêri CQ 316873) do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/4/2019.

Sau khi hoàn tất thủ tục mua bán, bà Phạm Thị M được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 471357; Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 19106 ngày 08/7/2020.

Từ khi nhận chuyển nhượng, nhận bàn giao và hoàn tất các thủ tục pháp lý về giấy tờ đối với thửa đất nêu trên, bà Phạm Thị M không thực hiện được ngay việc quản lý, sử dụng đối với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ bà Huệ, ông Ánh. Nguyên nhân là do thời điểm từ giữa năm 2020 đến tháng 10 năm 2023 tại Việt Nam và Hà Nội thực hiện việc giãn cách xã hội để phòng chống đại dịch Covid 19. Theo các mốc của Ban chỉ đạo phòng chống dịch thì trong khoảng hơn 3 năm đại dịch Covid 19 có một số lần chính quyền nới lỏng, trong đó tại địa bàn phường T và quận B được nới lỏng từ giữa năm 2022. Vì vậy, đến khoảng tháng 7 năm 2022 bà Phạm Thị M đến nhà đất của mình thì vợ chồng anh Đinh Duy Đ, chị Hoàng Thị H đã dọn đến nhà, đất này để sinh sống. Mặc dù bà Phạm Thị M có yêu cầu gia đình anh Đ, chị H trả lại nhà, đất lại cho mình, nhưng anh Đ, chị H không trả. Do đó, tranh chấp xảy ra giữa các đương sự.

Xét ý kiến của bị đơn Đinh Duy Đ và Hoàng Thị H tại phiên toà cho rằng không bán nhà, đất cho bà Huệ mà chỉ vay tiền; Bản án cũng không giải quyết về nhà đất của bị đơn; thửa đất bà M khởi kiện là thửa đất 38, tờ bản đồ 46 còn thửa đất bị đơn sử dụng là thửa đất số 114, tờ bản đồ 15 đo năm 1994. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận bởi các lý do sau:

- Như đã phân tích ở trên về quá trình thi hành bản án số: 194/2016/DSPT ngày 31/10/2016 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đối với anh Đinh Duy Đ, chị Hoàng Thị H, cơ quan Thi hành án đã kê biên, phát mại tài sản là nhà, đất có diện tích 88 m^2 của anh Đ, chị H giao cho bà Nguyễn Thị H1;

- Bà Nguyễn Thị H1 và ông Phan Ngọc A đã làm thủ tục sang tên đối với thửa đất này trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Bà Nguyễn Thị H1, ông Phan Ngọc A đã chuyển nhượng 88 m^2 đất này cho bà Phạm Thị M đúng các quy định của pháp luật;

- Bà Phạm Thị M đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật và đứng tên trong Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 471357; Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 19106 ngày 08/7/2020 của sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội. Đây là tài sản hợp pháp của bà Phạm Thị M;

- Bị đơn Đinh Duy Đ, Hoàng Thị H cho rằng nhà đất là của mình nhưng không có Giấy tờ có giá trị pháp lý chứng minh;

- Trong văn bản Công chứng ngày 17/6/2020 do Văn phòng Công chứng Mỹ Đình thực hiện thể hiện rõ Giấy chứng nhận số CS-BTL 13589 (Số sêri CQ 316873) do sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/4/2019

bị mất. Chính vì bị mất nên bị đơn không có giấy tờ chứng minh nhà, đất đang chiếm giữ là của mình.

Đây cũng chính là tình tiết, căn cứ xác định thửa đất có diện tích 88 m^2 bà M khởi kiện là thửa đất 38, tờ bản đồ 46 còn thửa đất bị đơn sử dụng là thửa đất số 114, tờ bản đồ 15 đo năm 1994. Nói cách khác 2 thửa đất mà bị đơn nêu ra là một.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với bị đơn Đinh Duy Đ, Hoàng Thị H là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.

Cần buộc bị đơn Đinh Duy Đ, Hoàng Thị H trả lại cho bà Phạm Thị M toàn bộ 88 m^2 đất cùng các tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Về án phí:

Cần buộc bị đơn Đinh Duy Đ, Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ án phí của vụ án. Giá trị tài sản anh Đ chị H chiếm giữ trái pháp luật của bà Phạm Thị M, theo chứng thư thẩm định giá số: 2502415/CT-TPV ngày 25/02/2025 của Công ty Thẩm định giá và Giám định Tiên phong có trị giá là 3.588.852.000 đồng (Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là: 3.520.000.000 đồng và giá trị tài sản gắn liền với đất là: 68.852.000 đồng). Bị đơn Đinh Duy Đ và Hoàng Thị H phải chịu án phí là: 103.777.000 đồng (Một trăm linh ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

Nguyên đơn Phạm Thị M được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Kết luận của Đại diện VKS nhân dân quận B tại phiên toà phù hợp phần lớn với nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm c Khoản 1 Điều 39 Điều Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ các Điều: 158, 163, 166,169, 206 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 137, Điều 236 của Luật đất đai năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M đối với ông Đinh Duy Đ, bà Hoàng Thị H về việc yêu cầu trả lại toàn bộ tài sản là 88 m^2 đất

và tài sản gắn liền với đất tại: Ngõ 192 đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 471357; Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 19106 ngày 08/7/2020.

2. Buộc bị đơn là ông Đinh Duy Đ, bà Hoàng Thị H phải trả lại toàn bộ 88 m^2 đất và tài sản gắn liền với đất tại: Ngõ 192, đường T, tổ dân phố Thượng 2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CV 471357; Số vào sổ cấp GCN: CS-BTL 19106 ngày 08/7/2020 cho bà Phạm Thị M.

3. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

4. Về án phí:

Buộc bị đơn là là ông Đinh Duy Đ, bà Hoàng Thị H phải chịu 103.777.000 đồng (Một trăm linh ba triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Phạm Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0075346 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thế V

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKS B;
- Chi cục THA quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.